

Bản án số: 56A/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20/3/2024.
V/v: “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH BẾN TRE**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Tuyết Thanh.

2. Ông Đoàn Minh Tư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 333/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐST - HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn:* **Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn Phú L, xã An Ninh Đ, huyện T, tỉnh Phú Yên.

** Bị đơn:* **Anh Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: 121/33, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo khởi kiện, đơn trình bày ý kiến, đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có lời trình bày:

Nguyên vào ngày 06/3/2012, chị Nguyễn Thị H có kết hôn với anh Nguyễn Văn Đ dựa theo sự tự nguyện của hai bên, chị và anh sống chung đến năm 2017 thì anh có quan hệ ngoài luồng (Ngoại tình) với người phụ nữ khác. Mặc dù chị đã nhiều lần khuyên giải để gia đình hòa thuận hạnh phúc nhưng chồng chị không nghe mà còn đánh đập, bạo hành và hăm dọa đòi giết chị và con chị làm cho chị và con chị rất sợ và phải bỏ trốn về quê cha mẹ chị tại Phú Yên sống và ly thân với anh Đ từ ngày 30/11/2017 đến nay đã gần tròn 06 năm. Hiện tại đời sống vợ chồng chị không còn hạnh phúc.

Nay chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ, chị không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị Kiều Ti N, sinh ngày 01/9/2011 và Nguyễn Xuân Gia B, sinh ngày 18/11/2017, hiện đang sống với chị H, khi ly hôn chị yêu cầu nuôi hai con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vắng mặt ngày 23/01/2014, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ có lời trình bày.

Anh đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án ly hôn của Tòa án nhân dân huyện C tuy nhiên anh không thể đến tham dự được vì điều kiện gia đình anh không có phương tiện đi lại, kinh tế khó khăn nên anh viết đơn xin Tòa án giải quyết vắng mặt. Anh đồng ý ly hôn với chị H, anh không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn, 02 người con chung anh đồng ý để chị H nuôi sau khi ly hôn, anh không cấp dưỡng, về tài sản chung và nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn với bị đơn; về con chung giao hai cháu Nguyễn Thị Kiều Ti N, sinh ngày 01/9/2011 và Nguyễn Xuân Gia B, sinh ngày 18/11/2017, hiện đang sống với nguyên đơn cho nguyên đơn nuôi và ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng cho con; về tài sản chung và về nợ chung do nguyên đơn và bị đơn trình bày không có vì vậy đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng qui định.

[2]. Về nội dung:

Nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 06/3/2012, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Thời gian đầu sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân theo nguyên đơn nêu do anh Đ có quan hệ ngoài luồng (Ngoại tình) với người phụ nữ khác. Mặc dù chị đã nhiều lần khuyên giải để gia đình hòa thuận hạnh phúc nhưng chồng chị không nghe mà còn đánh đập, bạo hành và hăm dọa đòi giết chị và con chị làm cho chị và con chị rất sợ và phải bỏ trốn về quê cha mẹ tại Phú Yên. Anh Đ đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án ly hôn của Tòa án nhân dân huyện C tuy nhiên anh không đến tham dự được vì điều kiện gia đình anh không có phương tiện đi lại, kinh tế khó khăn nên anh viết đơn xin Tòa án giải quyết

vắng mặt và anh cũng không nêu ý chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị H, anh đồng ý ly hôn với chị H.

Từ những phân tích, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử nhận định nguyên đơn cương quyết ly hôn còn bị đơn dù biết ly hôn là chấm dứt quan hệ hôn nhân nhưng bị đơn đã bỏ mặc cho nguyên đơn tự giải quyết, không cùng nguyên đơn có các biện pháp tích cực nhằm cải thiện tình trạng hôn nhân của cả hai để kéo dài mối quan hệ hôn nhân. Như vậy tình trạng hôn nhân của cả hai đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử cần thiết phải chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu cấp dưỡng sau khi ly hôn là do sự tự nguyện của nguyên đơn vì vậy cần ghi nhận.

Về con chung: Nguyên đơn trình bày có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Kiều Ti Na, sinh ngày 01/9/2011 và Nguyễn Xuân Gia Bảo, sinh ngày 18/11/2017, nguyên đơn yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng cho con, bị đơn cũng đồng ý giao hai con chung cho nguyên đơn nuôi. Hội đồng xét xử nhận thấy khi vợ chồng ly hôn, việc giao con cho ai nuôi là phải đảm bảo về mọi mặt cho con chung, đối với nguyên đơn sau khi hai vợ chồng sống ly thân chị H là người trực tiếp nuôi hai con chung đồng thời nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi cũng muốn sống với nguyên đơn vì vậy Hội đồng xét xử quyết định giao hai con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng cho con do nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu vì vậy Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn cùng trình bày không có vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn cùng trình bày không có vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Lời phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tại phiên tòa về hình thức, nội dung vụ án là phù hợp với việc xem xét, đánh giá chứng cứ của Hội đồng xét xử vì vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải có nghĩa vụ chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000067 ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 55; 81; 82; 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Cụ thể tuyên:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H với anh Nguyễn Văn Đ.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Đ không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung:

Chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị Kiều Ti N, sinh ngày 01/9/2011 và Nguyễn Xuân Gia B, sinh ngày 18/11/2017, hiện đang sống với chị H cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Anh Nguyễn Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền, nghĩa vụ này tuy nhiên khi người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000067 ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện C, tỉnh BT;
- Chi cục THADS huyện C, tỉnh BT;
- UBND xã V, huyện C, tỉnh BT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Chí Cường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Hồ Mỹ Ngọc

Phạm Gia Ảnh

Đào Chí Cường

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

-Các đương sự;

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

TÒA

-TAND tỉnh Bến Tre;

-VKSND huyện C, tỉnh Bến Tre;

-Chi cục THADS huyện C, tỉnh Bến Tre;

-UBND xã Vĩnh Bình, huyện C, tỉnh Bến Tre;

-Lưu VP, hồ sơ vụ án.

Đào Chí Cường